

CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ SỐ 28 (IAS 28) ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH

Vào tháng 4 năm 2001, Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (“Ủy ban”) đã thông qua Chuẩn mực kế toán quốc tế số 28 (IAS 28) *Kế toán đầu tư vào công ty liên kết*, nguyên bản được ban hành bởi Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế vào tháng 4 năm 1989. IAS 28 *Kế toán đầu tư vào công ty liên kết* được sửa đổi các phần liên quan đến kế toán đầu tư vào công ty liên kết tại IAS 3 *Báo cáo tài chính hợp nhất* (ban hành vào tháng 6 năm 1976).

Tháng 12 năm 2003, Ủy ban đã ban hành IAS 28 sửa đổi với tiêu đề mới – *Đầu tư vào Công ty liên kết*. Bản sửa đổi IAS 28 là một phần trong Chương trình ban đầu của Ủy ban về các Dự án kỹ thuật và bao gồm hướng dẫn có trong ba phần diễn giải liên quan (SIC-3 Loại bỏ các khoản lỗ và lãi chưa thực hiện trong giao dịch với Công ty liên kết, SIC-20 Phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu – Ghi nhận các khoản lỗ, SIC-33 Phương pháp hợp nhất và phương pháp vốn chủ sở hữu- Quyền biểu quyết tiềm năng và Phân bổ lợi ích sở hữu).

Tháng 5 năm 2011, Ủy ban đã ban hành IAS 28 được sửa đổi với tiêu đề mới *Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh*.

Tháng 9 năm 2014, IAS 28 được sửa đổi mục *Bán hoặc góp tài sản giữa nhà đầu tư và công ty liên kết hoặc công ty liên doanh* (Sửa đổi IFRS 10 và IAS 28). Những sửa đổi này giải quyết mâu thuẫn yêu cầu kế toán đối với việc bán hoặc góp tài sản vào các công ty liên doanh hoặc công ty liên kết. Tháng 12 năm 2015, ngày hiệu lực bắt buộc áp dụng sửa đổi này đã bị hoãn vô thời hạn bởi *ngày hiệu lực của các sửa đổi của IFRS 10 và IAS 28*.

Tháng 12 năm 2014, IAS 28 được sửa đổi mục *Đơn vị quản lý quỹ đầu tư: Áp dụng ngoại lệ hợp nhất (sửa đổi IFRS 10, IFRS 12 và IAS 28)*. Những sửa đổi này đưa ra giải pháp cho các đơn vị phi quản lý quỹ đầu tư khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, có thể chọn cách xác định giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi hoặc lỗ áp dụng bởi các đơn vị quản lý quỹ đầu tư liên kết hoặc liên doanh đối với các công ty con của chúng.

Tháng 10 năm 2017, IAS 28 được sửa đổi mục *Lợi ích dài hạn trong các công ty liên kết và công ty liên doanh (sửa đổi IAS 28)*. Những sửa đổi này làm rõ các đơn vị áp dụng IFRS 9 Công cụ tài chính cho các lợi ích dài hạn trong các công ty liên kết hoặc công ty liên doanh mà phương pháp vốn chủ sở hữu không được áp dụng.

Các chuẩn mực khác được sửa đổi nhỏ có ảnh hưởng tới IAS 28 bao gồm: IFRS 9 *Công cụ tài chính* (ban hành tháng 7 năm 2014), *Phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính riêng* (Sửa đổi IAS 27) (ban hành tháng 8 năm 2014), các cải tiến hàng năm cho các Chuẩn mực IFRS từ 2014 – 2016 (ban hành tháng 12 năm 2016), IFRS 17 *Hợp đồng bảo hiểm* (ban hành tháng 5 năm 2017) và *những sửa đổi liên quan đến Khung khái niệm cơ sở trong các Chuẩn mực IFRS* (ban hành tháng 3 năm 2018)

NỘI DUNG**CHUẨN MỨC KẾ TOÁN QUỐC TẾ SỐ 28***Từ đoạn***ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH**

MỤC TIÊU	1
PHẠM VI	2
KHÁI NIỆM	3
ẢNH HƯỞNG ĐÁNG KỂ	5
PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU	16
Ngoại trừ áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	17
Phân loại nắm giữ để bán	20
Ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	22
Thay đổi lợi ích của chủ sở hữu	25
Thủ tục của phương pháp vốn chủ sở hữu	26
Lỗi do suy giảm giá trị	40
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	44
NGÀY HIỆU LỰC VÀ CHUYỂN ĐỔI	45
Tham chiếu đến IFRS 9	46
THU HỒI IAS 28 (2003)	47

PHÊ DUYỆT BỞI ỦY BAN IAS 28 BAN HÀNH VÀO THÁNG 12 NĂM 2003

PHÊ DUYỆT BỞI ỦY BAN SỬA ĐỔI IAS 28:

Bán hoặc góp tài sản giữa nhà đầu tư và công ty liên doanh hoặc công ty liên kết (sửa đổi IFRS 10 và IAS 28) ban hành vào tháng 9 năm 2014.

Đơn vị quản lý quỹ đầu tư: Áp dụng ngoại lệ hợp nhất (sửa đổi IFRS 10, IFRS 12 và IAS 28) ban hành vào tháng 12 năm 2014

Ngày hiệu lực của sửa đổi IFRS 10 và IAS 28 ban hành vào tháng 12 năm 2015.

Lợi ích dài hạn trong công ty liên kết và công ty liên doanh (sửa đổi IAS 28) ban hành vào tháng 10 năm 2017.

(Thiếu mấy dòng chữ in nhợt)

Chuẩn mực kế toán quốc tế số 28 *Đầu tư vào công ty liên kết và các công ty liên doanh (IAS 28)* được đề cập trong đoạn 1-47. Tất cả các đoạn đều có hiệu lực như nhau, vẫn giữ định dạng của Chuẩn mực IASB khi được IASB thông qua. IAS 28 nên được đọc cùng với mục tiêu của nó và *Cơ sở cho các kết luận, Lời nói đầu của chuẩn mực IFRS* và *Khung khái niệm cơ sở cho báo cáo tài chính*. IAS 8 *Chính sách kế toán, thay đổi ước tính và sai sót kế toán* cung cấp một cơ sở để lựa chọn và áp dụng chính sách kế toán trong trường hợp không có hướng dẫn rõ ràng.

CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ SỐ 28

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH

Mục tiêu

1. Mục tiêu của Chuẩn mực này là quy định kế toán đầu tư vào công ty liên kết và đưa ra các yêu cầu cho việc áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu trong kế toán đầu tư vào công ty liên kết và các công ty liên doanh.

Phạm vi

2. Chuẩn mực này áp dụng cho tất cả các đơn vị là bên đầu tư có quyền kiểm soát chung hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khái niệm

3. Những thuật ngữ dưới đây được sử dụng trong Chuẩn mực này có nghĩa cụ thể như sau:

Công ty liên kết là đơn vị mà bên đầu tư có ảnh hưởng đáng kể.

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn, trong đó tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, thu nhập, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như là một đơn vị kinh tế duy nhất.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo lãi hoặc lỗ của nhà đầu tư bao gồm phần sở hữu trong Báo cáo lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư; Báo cáo thu nhập toàn diện khác của nhà đầu tư bao gồm phần sở hữu trong báo cáo thu nhập toàn diện khác của bên được đầu tư.

Thỏa thuận chung là thỏa thuận trong đó hai hoặc nhiều hơn các bên cùng có sự kiểm soát chung.

Kiểm soát chung là thỏa thuận bằng hợp đồng chia sẻ quyền kiểm soát, chỉ tồn tại khi các quyết định về những hoạt động liên quan đòi hỏi sự đồng thuận của các bên chia sẻ quyền kiểm soát.

Liên doanh là một thỏa thuận chung mà các bên cùng có sự kiểm soát chung có quyền đối với tài sản thuần của thỏa thuận đó.

Bên góp vốn liên doanh là bên tham gia vào liên doanh mà bên đó cùng có sự kiểm soát chung đối với liên doanh.

Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của nhà đầu tư vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên được đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc không kiểm soát chung các chính sách đó.

4. Các thuật ngữ sau theo định nghĩa tại đoạn 4 của IAS 27 *Báo cáo tài chính riêng* và trong Phụ lục A của IFRS 10 *Báo cáo tài chính hợp nhất* và được sử dụng trong Chuẩn mực này được định nghĩa cụ thể trong các chuẩn mực IFRSs bao gồm:

- Quyền kiểm soát với bên nhận đầu tư
- Tập đoàn
- Công ty mẹ
- Báo cáo tài chính riêng
- Công ty con.

Ảnh hưởng đáng kể

5. Nếu đơn vị nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp (ví dụ thông qua các công ty con) ít nhất 20% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư thì được gọi là đơn vị có ảnh hưởng đáng kể, trừ khi có thỏa thuận rõ ràng khác. Ngược lại nếu đơn vị nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp (ví dụ thông qua các công ty con) ít hơn 20% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư, thì không được gọi là đơn vị có ảnh hưởng đáng kể, trừ khi ảnh hưởng này có thể chứng minh rõ ràng. Quyền sở hữu đáng kể hoặc phần lớn của một nhà đầu tư khác không nhất thiết loại trừ đơn vị có ảnh hưởng đáng kể.
6. Đơn vị có ảnh hưởng đáng kể thường được chứng minh ở một hay các biểu hiện sau:
 - (a) Có đại diện trong Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương của bên nhận đầu tư;
 - (b) Có quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách: bao gồm tham gia vào các quyết định về cổ tức hoặc phân phối khác;
 - (c) Có các giao dịch quan trọng giữa đơn vị và bên nhận đầu tư;
 - (d) Có trao đổi về nhân sự quản lý;
 - (e) Có sự cung cấp thông tin kỹ thuật quan trọng.
7. Một đơn vị có thể sở hữu chứng quyền, quyền chọn mua cổ phiếu, các công cụ nợ hoặc công cụ vốn mà có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông hoặc các công cụ tương tự khác có tiềm năng, nếu được thực hiện hoặc chuyển đổi, để cung cấp cho đơn vị quyền biểu quyết bổ sung hoặc để giảm quyền biểu quyết của bên khác đối với các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (tức là quyền biểu quyết tiềm năng). Sự tồn tại và ảnh hưởng của quyền biểu quyết tiềm năng hiện tại có thể thực hiện hoặc chuyển đổi, bao gồm quyền biểu quyết tiềm năng do đơn vị khác nắm giữ, được xem xét khi đánh giá liệu đơn vị đó có ảnh hưởng đáng kể hay không. Quyền biểu quyết tiềm năng hiện tại không thể thực hiện hoặc chuyển đổi, ví dụ, khi chúng không thể được thực hiện hoặc chuyển đổi cho đến một ngày trong tương lai hoặc cho đến khi xảy ra một sự kiện trong tương lai.
8. Để đánh giá liệu quyền biểu quyết tiềm năng có đóng góp vào ảnh hưởng đáng kể hay không, đơn vị kiểm tra tất cả các sự kiện và tình huống (bao gồm các điều khoản thực hiện quyền biểu quyết tiềm năng và bất kỳ thỏa thuận hợp đồng nào khác được xem xét riêng lẻ hoặc tổng hợp) có ảnh hưởng đến quyền tiềm năng, ngoại trừ dự định của nhà quản lý và khả năng tài chính để thực hiện hoặc chuyển đổi các quyền tiềm năng đó.
9. Một đơn vị bị mất ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư khi mất quyền tham gia vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư. Việc mất ảnh hưởng đáng kể có thể xảy ra khi có hoặc không có sự thay đổi về mức độ sở hữu tuyệt đối hoặc tương đối. Nó có thể xảy ra, ví dụ, khi một công ty liên kết chịu sự kiểm soát của chính phủ, tòa án, cơ quan quản trị hoặc cơ quan quản lý. Nó cũng có thể xảy ra từ một thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phương pháp vốn chủ sở hữu

10. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư được ghi nhận trong báo cáo lãi hoặc lỗ của bên đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do thay đổi thu nhập toàn diện khác của bên nhận đầu tư. Những thay đổi đó của bên nhận đầu tư có thể bao gồm những khoản phát sinh từ việc đánh giá lại Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị và chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi ngoại tệ. Những thay đổi đó trong giá trị của khoản đầu tư được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác của nhà đầu tư (Xem IAS 1 *Thuyết minh Báo cáo tài chính*).
11. Việc ghi nhận thu nhập dựa trên cơ sở các khoản phân phối nhận được có thể không phản ánh đầy đủ thu nhập mà nhà đầu tư được hưởng từ khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh vì các khoản phân phối nhận được đó có thể ít liên quan đến kết quả hoạt động của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh. Do nhà đầu tư có kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể, nhà đầu tư có lợi ích

trong kết quả hoạt động của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, dẫn đến thu được lợi ích từ khoản đầu tư. Nhà đầu tư hạch toán phần lợi ích này bằng cách mở rộng phạm vi của báo cáo tài chính để trình bày phần sở hữu của mình trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư. Vì vậy, việc áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích hơn về tài sản thuần và lãi hoặc lỗ của nhà đầu tư.

12. Khi quyền biểu quyết tiềm năng hoặc các công cụ phái sinh khác có quyền biểu quyết tiềm năng tồn tại, lợi ích của đơn vị trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh chỉ được xác định dựa trên lợi ích sở hữu hiện tại và không phản ánh việc có khả năng thực hiện hoặc chuyển đổi quyền biểu quyết tiềm năng và các công cụ phái sinh khác, trừ khi đoạn 13 được áp dụng.
13. Trong một số trường hợp, đơn vị, về bản chất, có quyền sở hữu hiện tại là kết quả của một giao dịch mà giao dịch đó hiện đang dẫn đến khoản lợi nhuận liên quan đến lợi ích sở hữu. Trong các trường hợp này, tỷ lệ được phân bổ cho đơn vị được xác định bằng cách tính đến việc thực hiện cuối cùng các quyền biểu quyết tiềm năng đó và các công cụ phái sinh khác dẫn đến khoản lợi nhuận cho đơn vị đó.
14. IFRS 9 *Công cụ tài chính* không áp dụng đối với lợi ích trong các công ty liên kết và công ty liên doanh được sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khi các công cụ bao gồm quyền biểu quyết tiềm năng dẫn đến khoản lợi nhuận liên quan đến quyền lợi sở hữu trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, công cụ đó không thuộc phạm vi áp dụng theo IFRS 9. Trong tất cả các trường hợp khác, các công cụ có quyền biểu quyết tiềm năng trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được áp dụng phù hợp với IFRS 9.
- 14A. Một đơn vị cũng áp dụng IFRS 9 cho các công cụ tài chính khác trong một công ty liên kết hoặc công ty liên doanh mà phương pháp vốn chủ sở hữu không được áp dụng. Chúng bao gồm các lợi ích dài hạn, về bản chất, là một phần của khoản đầu tư thuần trong Công ty vào một công ty liên kết hoặc công ty liên doanh (xem đoạn 38). Một đơn vị áp dụng IFRS 9 cho các lợi ích dài hạn này trước khi áp dụng đoạn 38 và đoạn 40 - 43 của chuẩn mực này. Khi áp dụng IFRS 9, đơn vị không tính đến bất kỳ điều chỉnh nào đối với giá trị ghi sổ của khoản lợi ích dài hạn phát sinh từ việc áp dụng chuẩn mực này.
15. Trừ khi một khoản đầu tư, hoặc một phần của khoản đầu tư, trong công ty liên kết hoặc cơ sở góp vốn liên doanh được phân loại là nắm giữ để bán phù hợp theo IFRS 5 *Tài sản dài hạn nắm giữ để bán và hoạt động bị chấm dứt*, khoản đầu tư hoặc bất kỳ khoản lãi nào nhận được của khoản đầu tư không được phân loại là nắm giữ để bán, sẽ được phân loại là một tài sản dài hạn.

Áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu

16. Khoản đầu tư của đơn vị có quyền kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể tới công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, ngoại trừ trường hợp khoản đầu tư đủ điều kiện được miễn phù hợp theo đoạn 17-19.

Ngoại trừ áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu

17. Đơn vị không phải áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu cho khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh nếu đơn vị đó là một công ty mẹ được miễn lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo ngoại lệ trong đoạn 4(a) của IFRS 10 hoặc tất cả các trường hợp sau đây:
 - (a) Đơn vị là một công ty con thuộc sở hữu 100% hoặc công ty con sở hữu một phần trong một đơn vị khác hoặc chủ sở hữu khác của nó, bao gồm cả những đơn vị không có quyền bỏ phiếu, đã được thông báo và không có phản đối thì đơn vị đó không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.
 - (b) Các khoản nợ hoặc công cụ vốn không được giao dịch trên thị trường công khai (thị trường chứng khoán trong nước hoặc nước ngoài hoặc thị trường chứng khoán phi tập trung trong khu vực hoặc vùng miền).
 - (c) Đơn vị không nộp, cũng không đang trong quá trình nộp báo cáo tài chính cho Ủy ban chứng khoán hoặc một tổ chức quản lý khác với mục đích phát hành bất kỳ loại công cụ tài chính nào trên thị trường công khai.

- (d) Công ty mẹ cuối cùng hoặc bất kỳ công ty mẹ trung gian nào của đơn vị lập báo cáo tài chính công khai ra công chúng mà tuân thủ các chuẩn mực IFRS, trong đó các công ty con được hợp nhất hoặc được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi hoặc lỗ phù hợp theo IFRS 10.
18. Khi một khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được nắm giữ hoặc gián tiếp nắm giữ thông qua một đơn vị là một tổ chức đầu tư vốn mạo hiểm, một quỹ tương hỗ, quỹ tín thác, hoặc các tổ chức tương tự bao gồm các quỹ bảo hiểm liên kết đầu tư, nhà đầu tư có thể chọn để xác định khoản đầu tư theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi hoặc lỗ phù hợp theo IFRS 9. Ví dụ của một quỹ bảo hiểm liên kết đầu tư là một quỹ được nắm giữ bởi một đơn vị như là nhóm tài sản đầu tư cho một nhóm hợp đồng bảo hiểm có đặc tính chia sẻ trực tiếp. Đối với mục đích của sự lựa chọn này, hợp đồng bảo hiểm bao gồm các hợp đồng đầu tư có đặc tính chia sẻ tùy thuộc. Một đơn vị sẽ thực hiện lựa chọn một cách riêng biệt cho mỗi công ty liên kết hoặc công ty liên doanh với ghi nhận ban đầu về công ty liên kết hoặc công ty liên doanh (Xem IFRS 17 *Hợp đồng bảo hiểm* để biết các điều khoản sử dụng trong đoạn này được định nghĩa trong Chuẩn mực đó).
19. Khi đơn vị đầu tư vào công ty liên kết, một phần trong đó được gián tiếp thông qua một tổ chức đầu tư vốn mạo hiểm hoặc một quỹ tương hỗ, quỹ tín thác, hoặc các tổ chức tương tự bao gồm các quỹ bảo hiểm liên kết đầu tư, đơn vị có thể chọn để xác định khoản đầu tư theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi hoặc lỗ phù hợp theo IFRS 9 bất kể tổ chức đầu tư vốn mạo hiểm, hoặc quỹ tương hỗ, quỹ tín thác và các tổ chức tương tự bao gồm các quỹ bảo hiểm liên kết đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể đến phần đầu tư đó hay không. Nếu đơn vị lựa chọn xác định khoản đầu tư theo giá trị hợp lý, đơn vị sẽ áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với bất kỳ phần đầu tư còn lại nào trong công ty liên kết mà không được nắm giữ bởi một tổ chức đầu tư vốn mạo hiểm, hoặc một quỹ tương hỗ, quỹ tín thác và các tổ chức tương tự bao gồm các quỹ bảo hiểm liên kết đầu tư.

Phân loại khoản đầu tư nắm giữ để bán

20. Đơn vị áp dụng IFRS 5 cho một khoản đầu tư, hoặc một phần của khoản đầu tư đáp ứng các tiêu chí mà được phân loại là nắm giữ để bán trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh. Bất kỳ phần nào được giữ lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh mà không được phân loại là nắm giữ để bán sẽ được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý phần đó của khoản đầu tư, khi được phân loại là nắm giữ để bán. Sau khi thanh lý, đơn vị sẽ ghi nhận các khoản lợi ích còn lại trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh phù hợp theo IFRS 9 trừ khi khoản lợi ích còn lại này tiếp tục là khoản đầu tư của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, trong trường hợp, đơn vị áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.
21. Khi một khoản đầu tư hoặc một phần của khoản đầu tư, trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh trước đây được phân loại là nắm giữ để bán, khi không còn đáp ứng các tiêu chí để phân loại như vậy nữa, khoản đầu tư đó được áp dụng hồi tố phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày được phân loại là nắm giữ để bán. Báo cáo tài chính cho các giai đoạn kể từ khi được phân loại là nắm giữ để bán được sửa đổi cho phù hợp tương ứng.

Ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu

22. Đơn vị ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày xóa bỏ khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh nếu:
- (a) Khoản đầu tư trở thành đầu tư vào công ty con, đơn vị sẽ ghi nhận khoản đầu tư phù hợp theo IFRS 3 *Hợp nhất kinh doanh* và IFRS 10.
 - (b) Nếu lợi ích giữ lại trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh trước đây là tài sản tài chính, đơn vị sẽ ghi nhận lợi ích giữ lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của lợi ích giữ lại này được coi là giá trị hợp lý theo ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính phù hợp với IFRS 9. Đơn vị sẽ ghi nhận vào báo cáo lãi hoặc lỗ cho các khoản chênh lệch bất kỳ giữa:
 - (i) Giá trị hợp lý của bất kỳ lợi ích giữ lại và bất kỳ khoản tiền thu được từ việc thanh lý một phần lợi ích trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh; và

(ii) Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại ngày ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.

(c) Khi ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, đơn vị sẽ ghi nhận tất cả các khoản được ghi nhận trước đó vào thu nhập toàn diện khác liên quan đến khoản đầu tư dựa trên cơ sở tương đồng với giá thanh lý tài sản hoặc nợ phải trả của bên nhận đầu tư.

23. Do đó, nếu khoản lãi hoặc lỗ được ghi nhận trước đây vào thu nhập toàn diện khác của bên nhận đầu tư sẽ được phân loại thành lãi hoặc lỗ khi thanh lý các tài sản hoặc nợ phải trả liên quan, đơn vị sẽ phân loại lại lãi hoặc lỗ từ Vốn chủ sở hữu vào báo cáo lãi hoặc lỗ (như điều chỉnh do tái phân loại lại) khi ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Ví dụ: nếu công ty liên kết hoặc công ty liên doanh có khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến hoạt động nước ngoài và đơn vị ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, đơn vị sẽ phân loại lại vào báo cáo lãi hoặc lỗ khoản lãi hoặc lỗ đã được ghi nhận trước đây vào thu nhập toàn diện khác liên quan đến hoạt động nước ngoài.
24. Nếu khoản đầu tư vào công ty liên kết trở thành khoản đầu tư vào công ty liên doanh hoặc ngược lại, đơn vị tiếp tục áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu và không ghi nhận lại lợi ích được giữ lại.

Thay đổi lợi ích của chủ sở hữu

25. Nếu lợi ích của chủ sở hữu trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh giảm xuống nhưng khoản đầu tư vẫn là khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh tương ứng, đơn vị sẽ phân loại lại vào báo cáo lãi hoặc lỗ phần lãi hoặc lỗ mà trước đó được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác liên quan đến việc giảm lợi ích chủ sở hữu nếu lãi hoặc lỗ đó được yêu cầu phân loại lại vào báo cáo lãi hoặc lỗ khi thanh lý các tài sản hoặc nợ phải trả liên quan.

Thủ tục của phương pháp vốn chủ sở hữu

26. Nhiều thủ tục phù hợp cho việc áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu tương tự như áp dụng phương pháp hợp nhất được trình bày trong IFRS 10. Ngoài ra, các khái niệm về các thủ tục được sử dụng trong kế toán mua lại công ty con cũng được áp dụng trong kế toán mua lại khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh.
27. Phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, là tổng nắm giữ tại công ty liên kết hoặc công ty liên doanh của công ty mẹ và các công ty con. Phần nắm giữ của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh khác trong Tập đoàn được bỏ qua cho mục đích này. Khi công ty liên kết hoặc công ty liên doanh có các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh thì lãi hoặc lỗ, thu nhập toàn diện khác và tài sản thuần được tính đến khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu là những khoản được ghi nhận trong báo cáo tài chính của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh (bao gồm lãi hoặc lỗ của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, thu nhập toàn diện khác và tài sản thuần của các công ty liên kết hoặc công ty liên doanh), sau các điều chỉnh cần thiết để áp dụng các chính sách kế toán nhất quán (xem đoạn 35 - 36A).
28. Lãi và lỗ từ các giao dịch "chiều xuôi" và "chiều ngược" liên quan đến các tài sản không hình thành một doanh nghiệp, như được định nghĩa trong IFRS 3, giữa đơn vị (bao gồm các công ty con đã được hợp nhất) và công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được ghi nhận trong báo cáo tài chính của đơn vị chỉ trong phạm vi lợi ích của các nhà đầu tư không liên quan trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh. Giao dịch "chiều ngược", ví dụ như công ty liên kết hoặc công ty liên doanh bán tài sản cho nhà đầu tư. Phần sở hữu của đơn vị trong báo cáo lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh hoặc liên kết liên quan đến những giao dịch này sẽ được loại bỏ. Giao dịch "chiều xuôi", ví dụ, nhà đầu tư bán hoặc góp tài sản cho công ty liên kết hoặc công ty liên doanh.
29. Khi các giao dịch chiều xuôi cung cấp bằng chứng về việc giảm giá trị thuần có thể thực hiện được của tài sản được bán hoặc đóng góp, hoặc lỗ do suy giảm giá trị của những tài sản này, khoản lỗ đó sẽ được nhà đầu tư ghi nhận toàn bộ. Khi các giao dịch chiều ngược cung cấp bằng chứng về việc giảm

giá trị thuần có thể thực hiện được của các tài sản được mua hoặc lỗ do suy giảm giá trị của tài sản này, nhà đầu tư sẽ ghi nhận phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ đó.

30. Khoản lãi hoặc lỗ từ các giao dịch mua các tài sản phi tiền tệ không cấu thành một doanh nghiệp, như được định nghĩa trong IFRS 3, cho công ty liên kết hoặc công ty liên doanh trong giao dịch đổi bằng lợi ích chủ sở hữu trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh đó sẽ được ghi nhận theo đoạn 28, trừ khi việc mua các tài sản đó không có bản chất thương mại, như được trình bày trong IAS 16 về Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị. Nếu mua các tài sản này không có bản chất thương mại, lãi hoặc lỗ được coi là chưa thực hiện và không được ghi nhận trừ khi đoạn 31 cũng được áp dụng. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này sẽ được loại bỏ khỏi giá trị khoản đầu tư khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu và sẽ không được trình bày là lãi hoặc lỗ hoãn lại trong bảng cân đối kế toán hợp nhất hoặc trong bảng cân đối kế toán của đơn vị, khi khoản đầu tư được áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.
31. Nếu ngoài việc nhận được lợi ích chủ sở hữu trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, đơn vị nhận được tài sản tiền tệ hoặc phi tiền tệ thì đơn vị đó ghi nhận phần lãi hoặc lỗ của khoản đóng góp phi tiền tệ đầy đủ trong báo cáo lãi hoặc lỗ liên quan đến các tài sản tiền tệ hoặc phi tiền tệ nhận được.
- 31A. Khoản lãi hoặc lỗ do giao dịch “chiều xuôi” liên quan đến các tài sản cấu thành một doanh nghiệp, như được định nghĩa tại chuẩn mực IFRS 3, giữa một đơn vị (bao gồm các công ty con được hợp nhất) và công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư.
- 31B. Một đơn vị có thể bán hoặc đóng góp tài sản theo hai hoặc nhiều hơn các thỏa thuận (các giao dịch). Khi xác định liệu tài sản được bán hoặc đóng góp có cấu thành một doanh nghiệp hay không, như được định nghĩa tại chuẩn mực IFRS 3, đơn vị sẽ xem xét việc bán hoặc đóng góp của các tài sản đó có phải là một phần của nhiều giao dịch hay không, giao dịch mà nên được coi là một giao dịch theo quy định tại đoạn B97 của chuẩn mực IFRS 10.
32. Một khoản đầu tư được ghi nhận bằng cách áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày trở thành công ty liên kết hoặc công ty liên doanh. Tại thời điểm mua khoản đầu tư, bất kỳ khoản chênh lệch nào giữa chi phí đầu tư và phần giá trị hợp lý thuần giữa tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của bên nhận đầu tư được ghi nhận như sau:
 - (a) Lợi thế thương mại liên quan đến công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Không cho phép khấu hao lợi thế thương mại.
 - (b) Bất kỳ phần vượt quá nào của phần giá trị hợp lý thuần giữa tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của bên nhận đầu tư so với giá phí đầu tư được tính vào thu nhập trong việc xác định lãi hoặc lỗ của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh trong kỳ mua khoản đầu tư.

Các điều chỉnh phù hợp với lãi hoặc lỗ của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh sau ngày mua được thực hiện, ví dụ, khấu hao tài sản có thể khấu hao dựa trên giá trị hợp lý của chúng tại ngày mua. Tương tự, các điều chỉnh phù hợp đối với lãi hoặc lỗ của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh sau ngày mua được thực hiện cho lỗ do suy giảm giá trị tài sản như lợi thế thương mại hoặc Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị.
33. Báo cáo tài chính có sẵn gần nhất của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được sử dụng bởi đơn vị trong việc áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khi ngày kết thúc kỳ báo cáo của đơn vị khác với công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, cho mục đích sử dụng của đơn vị, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh chuẩn bị báo cáo tài chính cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của đơn vị đó, trừ khi không thể thực hiện được điều đó.
34. Theo quy định tại đoạn 33, khi báo cáo tài chính của công ty liên kết hoặc liên kết liên doanh áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập tại ngày khác với báo cáo tài chính của đơn vị, các điều chỉnh sẽ được thực hiện cho các giao dịch hoặc các sự kiện có ảnh hưởng đáng kể xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh và của đơn vị. Trong mọi trường hợp, sự khác biệt giữa ngày kết thúc kỳ báo cáo của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh và của đơn vị không quá

ba tháng. Độ dài kỳ báo cáo và bất kỳ sự khác biệt nào giữa ngày kết thúc kỳ báo cáo sẽ giống nhau từ kỳ này sang kỳ khác.

35. Báo cáo tài chính của đơn vị được lập bằng cách áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện trong các trường hợp tương tự.
36. Ngoại trừ trường hợp như được trình bày trong đoạn 36A, nếu công ty liên kết hoặc công ty liên doanh sử dụng chính sách kế toán khác với đơn vị cho các giao dịch và sự kiện trong các trường hợp tương tự, các điều chỉnh được thực hiện để làm cho chính sách kế toán của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh phù hợp với các chính sách của đơn vị khi báo cáo tài chính của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được sử dụng bởi đơn vị đó khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.
- 36A. Mặc dù yêu cầu trong đoạn 36, nếu đơn vị không phải là một đơn vị quản lý quỹ đầu tư có lợi ích trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh là đơn vị quản lý quỹ đầu tư, thì khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, đơn vị có thể chọn giữ nguyên xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được áp dụng bởi đơn vị quản lý quỹ đầu tư liên kết hoặc liên doanh. Việc lựa chọn này được thực hiện riêng cho từng đơn vị quản lý quỹ đầu tư liên kết hoặc liên doanh, vào ngày muộn hơn giữa các ngày:
 - (a) Đơn vị quản lý quỹ đầu tư liên kết hoặc liên doanh được ghi nhận ban đầu;
 - (b) Công ty liên kết hoặc công ty liên doanh trở thành đơn vị quản lý quỹ đầu tư; và
 - (c) Đơn vị quản lý quỹ đầu tư liên kết hoặc liên doanh trở thành công ty mẹ lần đầu.
37. Nếu công ty liên kết hoặc công ty liên doanh có cổ phần ưu đãi tích lũy chưa thanh toán được nắm giữ bởi các tổ chức khác ngoài đơn vị và các chủ sở hữu, đơn vị đó sẽ tính phần lãi hoặc lỗ của cổ phiếu sau khi điều chỉnh cổ tức cho cổ phiếu đó, cho dù cổ tức đó đã được công bố hay chưa.
38. Nếu phần lãi hoặc lỗ của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh phân bổ cho đơn vị bằng hoặc vượt quá lợi ích của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, đơn vị đó dừng ghi nhận phần lỗ thêm. Lợi ích của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh là giá trị ghi sổ/giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được xác định bằng phương pháp vốn chủ sở hữu cùng với bất kỳ lợi ích dài hạn nào, về bản chất, là một phần của khoản đầu tư thuần trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh. Ví dụ, một khoản mục mà việc thanh toán không được lên kế hoạch cũng như không có khả năng xảy ra trong tương lai có thể thấy trước, về bản chất, là một phần mở rộng của khoản đầu tư của đơn vị vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh. Các khoản mục này có thể bao gồm cổ phiếu ưu đãi và các khoản phải thu hoặc các khoản vay dài hạn, nhưng không bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp hoặc bất kỳ khoản phải thu dài hạn nào có tài sản thế chấp, như các khoản vay có bảo đảm. Các khoản lỗ được ghi nhận khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu vượt quá khoản đầu tư của đơn vị theo cổ phiếu phổ thông được áp dụng theo các phần khác của lợi ích đơn vị trong công ty liên kết hoặc công ty liên doanh theo thứ tự ngược lại của việc chậm trễ thanh toán (nghĩa là ưu tiên tính thanh khoản).
39. Sau khi lợi ích của đơn vị bị giảm xuống còn 0, các khoản lỗ phát sinh thêm và nợ phải trả được ghi nhận trong phạm vi mà đơn vị chịu nghĩa vụ pháp lý và nghĩa vụ ngầm định hoặc thực hiện thanh toán thay mặt cho công ty liên kết hoặc công ty liên doanh. Nếu công ty liên kết hoặc công ty liên doanh báo cáo lợi nhuận sau này, đơn vị tiếp tục ghi nhận phần lợi nhuận chỉ sau khi lợi nhuận của họ bằng với phần lỗ chưa được ghi nhận.

Lỗ do suy giảm giá trị

40. Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, bao gồm ghi nhận các khoản lỗ của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh theo quy định tại đoạn 38, đơn vị áp dụng đoạn 41A-41C để xác định rằng liệu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy khoản đầu tư thuần vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh bị suy giảm.
41. [Được xóa]

41A. Khoản đầu tư thuần vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh bị suy giảm và khoản lỗ do suy giảm giá trị phát sinh khi và chỉ khi các bằng chứng khách quan của sự suy giảm là kết quả của một hoặc nhiều các sự kiện phát sinh sau ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư thuần (một “sự kiện lỗ”) và sự kiện lỗ đó (hoặc những sự kiện) có ảnh hưởng đến dòng tiền trong tương lai ước tính từ khoản đầu tư thuần mà được ước tính đáng tin cậy. Có thể không có khả năng phát hiện ra một sự kiện riêng lẻ, tách biệt dẫn đến sự suy giảm. Ảnh hưởng tổng hợp của một vài sự kiện mới có thể dẫn đến sự suy giảm đó. Các khoản lỗ dự kiến là kết quả của những sự kiện trong tương lai, bất kể có khả năng xảy ra như thế nào, cũng không được ghi nhận. Bằng chứng khách quan mà khoản đầu tư thuần bị suy giảm bao gồm dữ liệu dẫn đến sự lưu ý của đơn vị về các sự kiện lỗ dưới đây:

- a) Khó khăn tài chính đáng kể của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh;
- b) Một sự vi phạm hợp đồng như không có khả năng thanh toán hoặc vi phạm theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh;
- c) Những lý do pháp lý hoặc kinh tế liên quan đến khó khăn tài chính của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, đơn vị cho công ty liên kết hoặc công ty liên doanh một đặc quyền là không xem xét đến các khía cạnh khác;
- d) Nhiều khả năng xảy ra đối với công ty liên kết hoặc công ty liên doanh sẽ phá sản hoặc tái cấu trúc tài chính khác; hoặc
- e) Sự biến mất của thị trường hoạt động cho khoản đầu tư thuần do sự khó khăn tài chính của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh.

41B. Sự biến mất của thị trường hoạt động do vốn chủ sở hữu hoặc các công cụ tài chính của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh không còn được giao dịch công khai, không phải là bằng chứng cho sự suy giảm. Việc đánh giá thấp mức tín dụng của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh hoặc một sự suy giảm trong giá trị hợp lý của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, không phải chính bản thân nó là bằng chứng của sự suy giảm, mặc dù nó có thể là bằng chứng của sự suy giảm khi cân nhắc với các thông tin có sẵn khác.

41C. Ngoài các loại sự kiện được đề cập tại đoạn 41A, bằng chứng khách quan của sự suy giảm khoản đầu tư thuần trong công cụ vốn của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh bao gồm thông tin về sự thay đổi đáng kể ảnh hưởng tiêu cực xảy ra trong môi trường công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc pháp lý trong đó công ty liên kết hoặc công ty liên doanh hoạt động, và chỉ ra rằng chi phí của khoản đầu tư vào công cụ vốn có thể không thu hồi được. Một sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài trong giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công cụ vốn thấp hơn chi phí của nó cũng là bằng chứng khách quan của sự suy giảm.

42. Vì lợi thế thương mại tạo thành một phần giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thuần vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh không được ghi nhận riêng biệt nên không kiểm tra được mức độ suy giảm riêng biệt bằng cách áp dụng các yêu cầu đối với kiểm tra mức độ suy giảm lợi thế thương mại trong *IAS 36 Sự suy giảm của tài sản*. Thay vào đó, toàn bộ giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được kiểm tra mức độ suy giảm theo quy định tại chuẩn mực IAS 36 như một tài sản đơn lẻ, bằng cách so sánh giá trị có thể thu hồi của nó (cao hơn giữa giá trị sử dụng và giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán tài sản) với giá trị ghi sổ khi áp dụng đoạn 41A-41C, từ đó chỉ ra rằng khoản đầu tư thuần có thể bị suy giảm. Khoản lỗ do suy giảm giá trị được ghi nhận trong các trường hợp đó không được phân bổ cho bất kỳ tài sản nào, bao gồm cả lợi thế thương mại, tạo thành một phần giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thuần vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh. Do đó, bất kỳ sự đảo ngược nào của khoản lỗ do suy giảm giá trị được ghi nhận theo quy định tại chuẩn mực IAS 36 đến mức mà giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư thuần tăng lên vào sau đó. Để xác định giá trị sử dụng của khoản đầu tư thuần, đơn vị ước tính:

- a) Phần giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai ước tính được kỳ vọng tạo ra bởi công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, bao gồm dòng tiền từ các hoạt động của công ty liên kết hoặc công ty liên doanh và tiền thu được từ khoản thanh lý sau cùng khoản đầu tư;
- b) Giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai ước tính được kỳ vọng tạo ra từ các khoản cổ tức nhận được từ khoản đầu tư và việc thanh lý sau cùng khoản đầu tư.

Sử dụng các giả định phù hợp, cả hai phương pháp đưa ra kết quả như nhau.

43. Giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được đánh giá cho từng công ty, trừ khi công ty liên kết hoặc công ty liên doanh không tạo ra dòng tiền vào từ việc tiếp tục sử dụng nhiều nguồn lực độc lập của nó từ các tài sản khác của đơn vị.

Báo cáo tài chính riêng

44. Khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của đơn vị theo quy định tại đoạn 10 của IAS 27 (sửa đổi năm 2011).

Ngày hiệu lực và chuyển đổi

45. Đơn vị áp dụng chuẩn mực này cho các kỳ hàng năm bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2013. Áp dụng trước đó vẫn được chấp nhận. Nếu đơn vị áp dụng chuẩn mực này sớm hơn, đơn vị phải thuyết minh sự việc này và áp dụng theo IFRS 10, IFRS 11 *Thỏa thuận chung*, IFRS 12 *Trình bày lợi ích trong các đơn vị khác* và IAS 27 (sửa đổi năm 2011) tại thời điểm đó.
- 45A. IFRS 9 được ban hành vào tháng 7 năm 2014, được sửa đổi các đoạn 40-42 và bổ sung các đoạn 41A-41C. Đơn vị áp dụng những sửa đổi này khi áp dụng IFRS 9.
- 45B. *Phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính riêng* (sửa đổi trong IAS 27), được ban hành vào tháng 8 năm 2014, sửa đổi đoạn 25. Đơn vị áp dụng hồi tố sửa đổi đó cho các kỳ hàng năm bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2016 theo quy định tại chuẩn mực IAS 8 *Chính sách kế toán, thay đổi ước tính kế toán và sai sót*. Các áp dụng trước đó vẫn được chấp nhận. Nếu đơn vị áp dụng sửa đổi đó cho giai đoạn sớm hơn phải trình bày sự việc này.
- 45C. *Bán hoặc góp tài sản giữa nhà đầu tư và công ty liên kết và công ty liên doanh* (sửa đổi IFRS 10 và IAS 28), ban hành tháng 9 năm 2014, được sửa đổi đoạn 28, 30 và bổ sung đoạn 31A-31B. Đơn vị áp dụng các sửa đổi đó phi hồi tố cho việc bán và góp tài sản phát sinh trong các kỳ hàng năm bắt đầu hoặc sau ngày được xác định bởi IASB. Các áp dụng trước đó vẫn được chấp nhận. Nếu đơn vị áp dụng sửa đổi đó cho giai đoạn sớm hơn phải trình bày sự việc này.
- 45D. *Đơn vị quản lý quỹ đầu tư: Áp dụng ngoại lệ trong hợp nhất* (sửa đổi IFRS 10, IFRS 12 and IAS 28), được ban hành tháng 12 năm 2014, sửa đổi đoạn 17, 27, 36 và bổ sung đoạn 36A. Đơn vị áp dụng các sửa đổi đó cho các kỳ hàng năm bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2016. Các áp dụng trước đó vẫn được chấp nhận. Nếu đơn vị áp dụng các sửa đổi đó cho giai đoạn sớm hơn phải trình bày sự việc này.
- 45E. *Những cải thiện hàng năm của Chuẩn mực IFRS giai đoạn 2014-2016*, được ban hành tháng 12 năm 2016, sửa đổi đoạn 18 và 36A. Đơn vị áp dụng hồi tố các sửa đổi đó theo quy định tại chuẩn mực IAS 8 cho các kỳ hàng năm bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2018. Các áp dụng trước đó vẫn được chấp nhận. Nếu đơn vị áp dụng các sửa đổi đó cho giai đoạn sớm hơn phải trình bày sự việc này.
- 45F. IFRS 17, được ban hành tháng 5 năm 2017, sửa đổi đoạn 18. Đơn vị áp dụng sửa đổi đó khi áp dụng IFRS 17.
- 45G. *Lợi ích dài hạn trong công ty liên kết và công ty liên doanh*, được ban hành tháng 10 năm 2017, bổ sung đoạn 14A và xóa bỏ đoạn 41. Đơn vị áp dụng hồi tố các sửa đổi đó theo quy định tại chuẩn mực IAS 8 cho các kỳ báo cáo hàng năm bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2019, ngoài quy định cụ thể trong đoạn 45H-45K. Các áp dụng trước đó vẫn được chấp nhận. Nếu đơn vị áp dụng các sửa đổi đó cho giai đoạn sớm hơn phải trình bày sự việc này.
- 45H. Đơn vị lần đầu áp dụng sửa đổi trong đoạn 45G đồng thời lần đầu thực hiện IFRS 9 áp dụng các yêu cầu chuyển đổi theo IFRS 9 cho các lợi ích dài hạn được trình bày trong đoạn 14A.
- 45I. Đơn vị lần đầu áp dụng sửa đổi trong đoạn 45G sau khi lần đầu thực hiện IFRS 9 áp dụng các yêu cầu chuyển đổi theo IFRS 9 cần thiết để áp dụng các yêu cầu được trình bày trong đoạn 14A cho các lợi ích dài hạn. Với mục đích đó, tham chiếu đến ngày áp dụng lần đầu IFRS 9 sẽ được hiểu là tham chiếu đến ngày bắt đầu của kỳ báo cáo hàng năm mà đơn vị lần đầu tiên áp dụng các sửa đổi (ngày bắt đầu áp dụng các sửa đổi). Đơn vị không phải trình bày lại các kỳ trước để phản ánh việc áp dụng các sửa đổi. Đơn vị có thể trình bày lại các kỳ trước chỉ khi nếu có thể một cách chắc chắn để không phải làm lại.

- 45J. Khi lần đầu áp dụng những sửa đổi trong đoạn 45G, đơn vị áp dụng những ngoại trừ tạm thời khỏi IFRS 9 phù hợp theo IFRS 4 *Hợp đồng bảo hiểm* không bắt buộc trình bày lại những kỳ trước để phản ánh việc áp dụng các sửa đổi. Đơn vị có thể trình bày lại các kỳ trước chỉ khi nếu có thể một cách chắc chắn để không phải làm lại.
- 45K. Nếu đơn vị không trình bày lại các kỳ trước áp dụng đoạn 45I hoặc đoạn 45J, tại ngày áp dụng lần đầu những sửa đổi được ghi nhận trong lợi nhuận giữ lại đầu kỳ (hoặc thành phần khác của vốn chủ sở hữu, nếu phù hợp) bất kỳ sự khác biệt nào giữa:
- a) Giá trị ghi sổ kỳ trước của các khoản lợi ích dài hạn được trình bày trong đoạn 14A tại ngày đó; và
 - b) Giá trị ghi sổ của các khoản lợi ích dài hạn này tại ngày đó.

Tham chiếu đến IFRS 9

46. Nếu đơn vị áp dụng chuẩn mực này nhưng chưa áp dụng IFRS 9, bất kỳ tham chiếu nào đến IFRS 9 được hiểu là tham chiếu đến IAS 39.

Thu hồi IAS 28 (2003)

47. Chuẩn mực này thay thế cho IAS 28 *Đầu tư vào công ty liên kết* (được sửa đổi năm 2003).

Phê duyệt bởi Ủy ban IAS 28 được ban hành tháng 12 năm 2003

Chuẩn mực IAS 28 *Đầu tư vào công ty liên kết* (được sửa đổi năm 2003) được phê duyệt ban hành bởi 14 thành viên của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế.

Sir David Tweedie

Chủ tịch

Thomas E Jones

Phó Chủ tịch

Mary E Barth

Hans-Georg Bruns

Anthony T Cope

Robert P Garnett

Gilbert Gélard

James J Leisenring

Warren J McGregor

Patricia L O'Malley

Harry K Schmid

John T Smith

Geoffrey Whittington

Tatsumi Yamada

Phê duyệt bởi Ủy ban của *Bán và góp tài sản giữa nhà đầu tư và công ty liên kết hoặc công ty liên doanh* (sửa đổi IFRS 10 và IAS 28) được ban hành tháng 9 năm 2014

Bán và góp tài sản giữa nhà đầu tư và Công ty liên kết hoặc công ty liên doanh được phê duyệt ban hành bởi 11 trong 14 thành viên của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế. Mr. Kabureck, Mr. Lloyd and Mr. Ochi không đồng ý trong việc ban hành sửa đổi IFRS 10 và IAS 28. Những ý kiến không đồng ý được nêu ra sau Cơ sở của kết luận.

Hans Hoogervorst

Chủ tịch

Ian Mackintosh

Phó Chủ tịch

Stephen Cooper

Philippe Danjou

Martin Edelmann

Patrick Finnegan

Amaro Luiz de Oliveira Gomes

Gary Kabureck

Suzanne Lloyd

Takatsugu Ochi

Darrel Scott

Chungwoo Suh

Mary Tokar

Wei-Guo Zhang

Phê duyệt bởi Ủy ban của Đơn vị quản lý quỹ đầu tư: Áp dụng ngoại lệ hợp nhất (sửa đổi IFRS 10, IFRS 12 và IAS 28) được ban hành tháng 12 năm 2014

Đơn vị quản lý quỹ đầu tư: Áp dụng ngoại lệ hợp nhất được phê duyệt ban hành bởi 14 thành viên của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế.

Hans Hoogervorst

Chủ tịch

Ian Mackintosh

Phó Chủ tịch

Stephen Cooper

Philippe Danjou

Amaro Luiz De Oliveira Gomes

Martin Edelmann

Patrick Finnegan

Gary Kabureck

Suzanne Lloyd

Takatsugu Ochi

Darrel Scott

Chungwoo Suh

Mary Tokar

Wei-Guo Zhang

Phê duyệt bởi Ủy ban của *Ngày hiệu lực của các sửa đổi IFRS 10 và IAS 28* được ban hành tháng 12 năm 2015

Ngày hiệu lực của các sửa đổi IFRS 10 và IAS 28 được phê duyệt để công bố bởi 14 thành viên của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế.

Hans Hoogervorst

Chủ tịch

Ian Mackintosh

Phó Chủ tịch

Stephen Cooper

Philippe Danjou

Martin Edelmann

Patrick Finnegan

Amaro Luiz de Oliveira Gomes

Gary Kabureck

Suzanne Lloyd

Takatsugu Ochi

Darrel Scott

Chungwoo Suh

Mary Tokar

Wei-Guo Zhang

Phê duyệt bởi Ủy ban *Lợi ích dài hạn trong công ty liên kết và công ty liên doanh* (sửa đổi IAS 28) được ban hành vào tháng 10 năm 2017

Lợi ích dài hạn trong công ty liên kết và công ty liên doanh (sửa đổi IAS 28) được phê duyệt ban hành bởi 10 trong 14 thành viên của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (Ủy ban). Mr. Ochi không đồng ý. Ý kiến không đồng ý của ông ấy được nêu ra sau Cơ sở của kết luận. Messrs Anderson and Lu and Ms Tarca đã từ chối tham gia các cuộc họp gần đây với Ủy ban.

Hans Hoogervorst

Chủ tịch

Suzanne Lloyd

Phó Chủ tịch

Nick Anderson

Martin Edelmann

Françoise Flores

Amaro Luiz de Oliveira Gomes

Gary Kabureck

Jianqiao Lu

Takatsugu Ochi

Darrel Scott

Thomas Scott

Chungwoo Suh

Ann Tarca

Mary Tokar

